VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Xoay trục nhóm dẫn dắt trước mùa KQKD quý 2

Tổng quan



Vĩ mô trong nước



Triển vọng thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà hoa.ttn@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Giá dầu hạ nhiệt về vùng trước chiến tranh sau khi eo biển lưu thông trở lại, giúp giảm lo ngại áp lực lạm phát**. Thêm vào đó, **thị trường việc làm Mỹ tháng 6 thấp hơn dự kiến làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ tăng lãi suất trong thời gian tới**.

Việt Nam

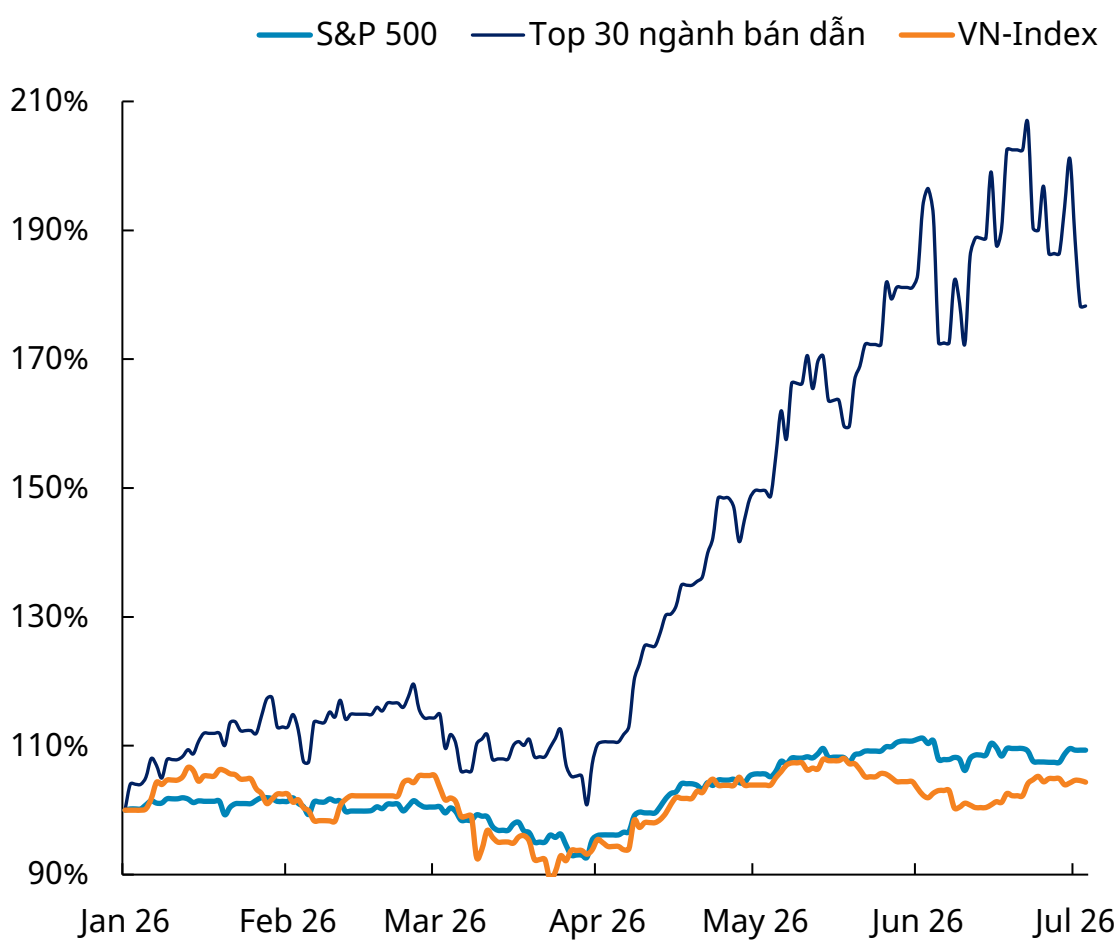
- **Tiêu điểm tuần**:
  - **Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm** trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên
  - UBCKNN đưa ra một số kiến nghị **tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn pháp lý về quản lý tài sản ảo, cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP), quyền phân phối chứng chỉ quỹ và giới hạn tỷ lệ sở hữu**
- **DXY hạ nhiệt về vùng 100,8 điểm tính tới 3/7, trong bối cảnh thị trường lao động tháng 6 của Mỹ hạ nhiệt**. Nhờ NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá chính thức duy trì ổn định ở mức 26.463 (+0,03% WoW; +0,33% YTD). Lãi suất qua đêm ở mức 6,62% (+346bps WoW) vào ngày 2/7. Trong tuần 29/6–3/7, NHNN đã bơm 60,1 nghìn tỷ qua OMO.
- **VN-Index: 1.860,1 điểm (-0,5% WoW) với thanh khoản tiếp tục suy giảm**. Thanh khoản thị trường ở mức thấp ở hầu hết các ngành và giảm 32% WoW, với GTGD bình quân khoảng 13 nghìn tỷ/ngày.
- **Một số yếu tố có thể hỗ trợ cho tâm lý thị trường**: 1) **Kỳ vọng mùa KQKD quý 2 tích cực**; 2) **Các chính sách hỗ trợ kinh tế,** nỗ lực quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10%; 3) Về phía bối cảnh thế giới, thị trường lao động tháng 6 của Mỹ hạ nhiệt làm giảm kỳ vọng Fed có thể tăng lãi suất, cùng với **việc DXY và giá dầu hạ nhiệt có thể phần nào giảm áp lực tỷ giá và lạm phát trong nước**. **Ngưỡng hỗ trợ: 1800. Ngưỡng kháng cự: 1920.**
- **Định giá:** P/E đang ở mức 15,3x (hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn 17x).

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Thị trường lao động hạ nhiệt làm giảm kỳ vọng Fed tăng lãi suất

- **Top 30 cổ phiếu bán dẫn của Mỹ (SOX) giảm mạnh vào tuần trước**, trong bối cảnh lo ngại về mức định giá cao và các tin tức như kế hoạch kiếm tiền từ điện toán AI của Meta, việc Apple tìm kiếm các giải pháp thay thế rẻ hơn từ Trung Quốc.
- **Giá dầu hạ nhiệt về vùng trước chiến tranh sau khi eo biển lưu thông trở lại, giúp giảm lo ngại áp lực lạm phát**. Thêm vào đó, **thị trường việc làm Mỹ tháng 6 thấp hơn dự kiến làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ tăng lãi suất trong thời gian tới**. Nền kinh tế Mỹ chỉ tạo thêm 57.000 việc làm trong tháng 6, thấp nhất trong bốn tháng và thấp hơn nhiều so với dự báo 110.000 việc làm, trong khi tỷ lệ thất nghiệp ở mức 4,2%. Tuy nhiên, **lợi suất trái phiếu Mỹ 10 năm tăng trở lại lên mức 4,5%** tính tới 3/7**, nhưng vẫn hạ nhiệt so với mức đỉnh 4,67% vào 19/5.**
- **Sự kiện thế giới sắp tới**: **Fed công bố biên bản cuộc họp FOMC tháng 6**. Tại cuộc họp tháng 6 vừa qua, Fed giữ nguyên lãi suất nhưng phát tín hiệu ủng hộ hơn việc tăng lãi suất vào cuối năm nay trong bối cảnh áp lực lạm phát. Dữ liệu thị trường lao động tháng 6 đang hạ nhiệt, trong khi Chủ tịch Kevin Warsh lưu ý rằng giá dầu thô giảm đã giúp giảm bớt kỳ vọng lạm phát nhưng vẫn khẳng định cam kết của Ngân hàng trung ương trong việc khôi phục ổn định giá cả.

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn của Mỹ, và VN-Index

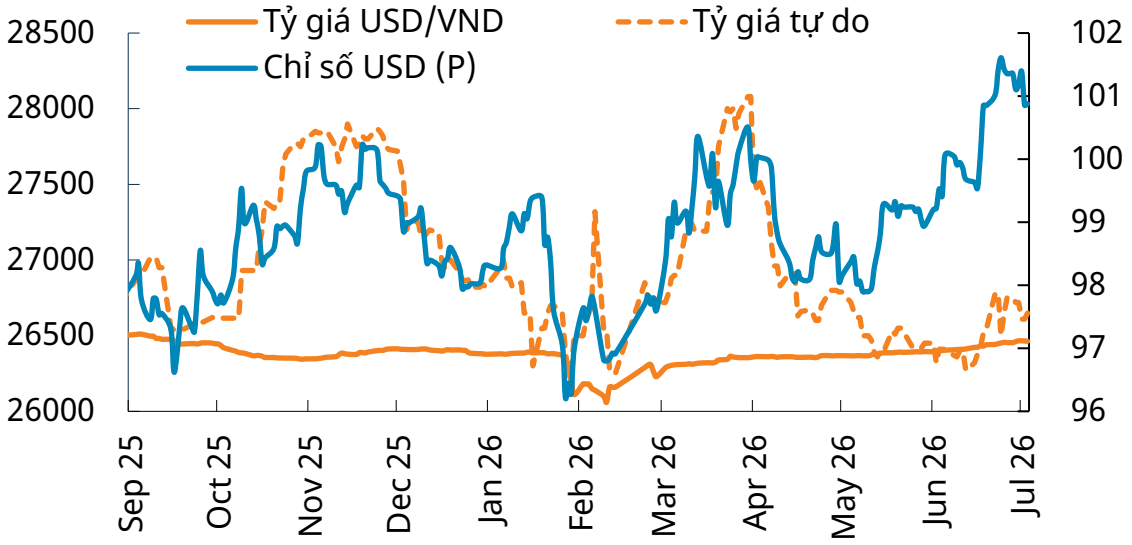


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **03/07/2026**

DXY hạ nhiệt sau hai tuần tăng liên tiếp

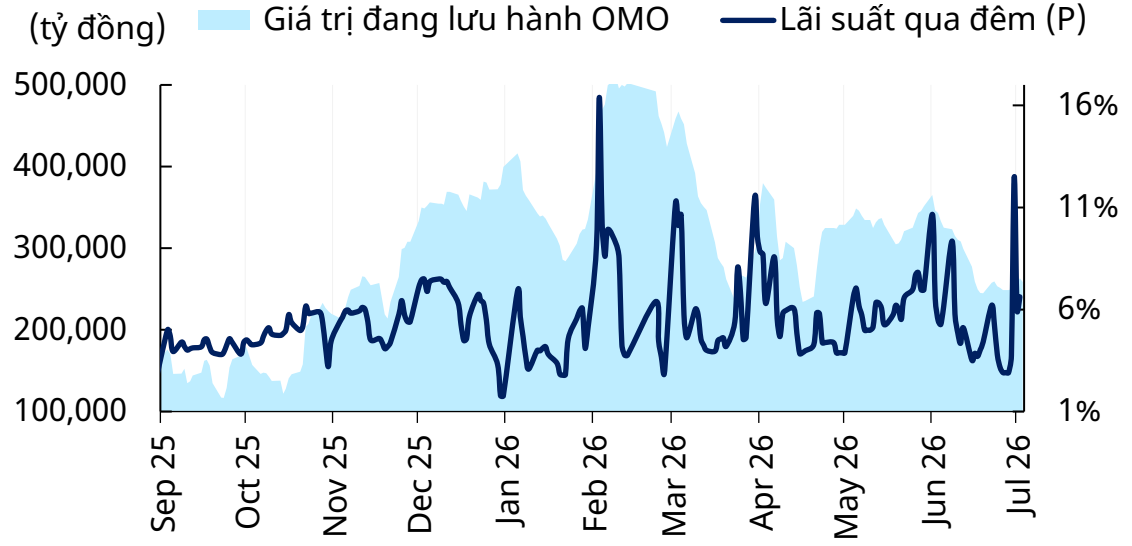
- **Chỉ số DXY hạ nhiệt về vùng 100,8 điểm tính tới 3/7, trong bối cảnh thị trường lao động tháng 6 của Mỹ hạ nhiệt**. Tỷ giá USD/VND tự do cũng hạ nhiệt xuống 26.650 (-0,37% WoW; -0,63% YTD). Bên cạnh đó, **nhờ NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá chính thức duy trì ổn định** ở mức 26.463 (+0,03% WoW; +0,33% YTD).
- Lãi suất qua đêm tăng vọt lên 12,49% vào 30/6 phản ánh biến động thanh khoản ngắn hạn của hệ thống, đặc biệt vào thời điểm cuối quý 2. Ngày 29/6, NHNN mở nghiệp vụ hoán đổi USD/VND kỳ hạn 7 ngày với các ngân hàng (giao dịch thực hiện vào 30/6), cùng với sự điều tiết linh hoạt qua kênh thị trường mở (OMO), **lãi suất qua đêm ở mức 6,62% (+346bps WoW) vào ngày 2/7.** Trong tuần 29/6–3/7, NHNN bơm 60,1 nghìn tỷ qua OMO (mua kỳ hạn 7–56 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%. Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã tăng khoảng 9,5 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



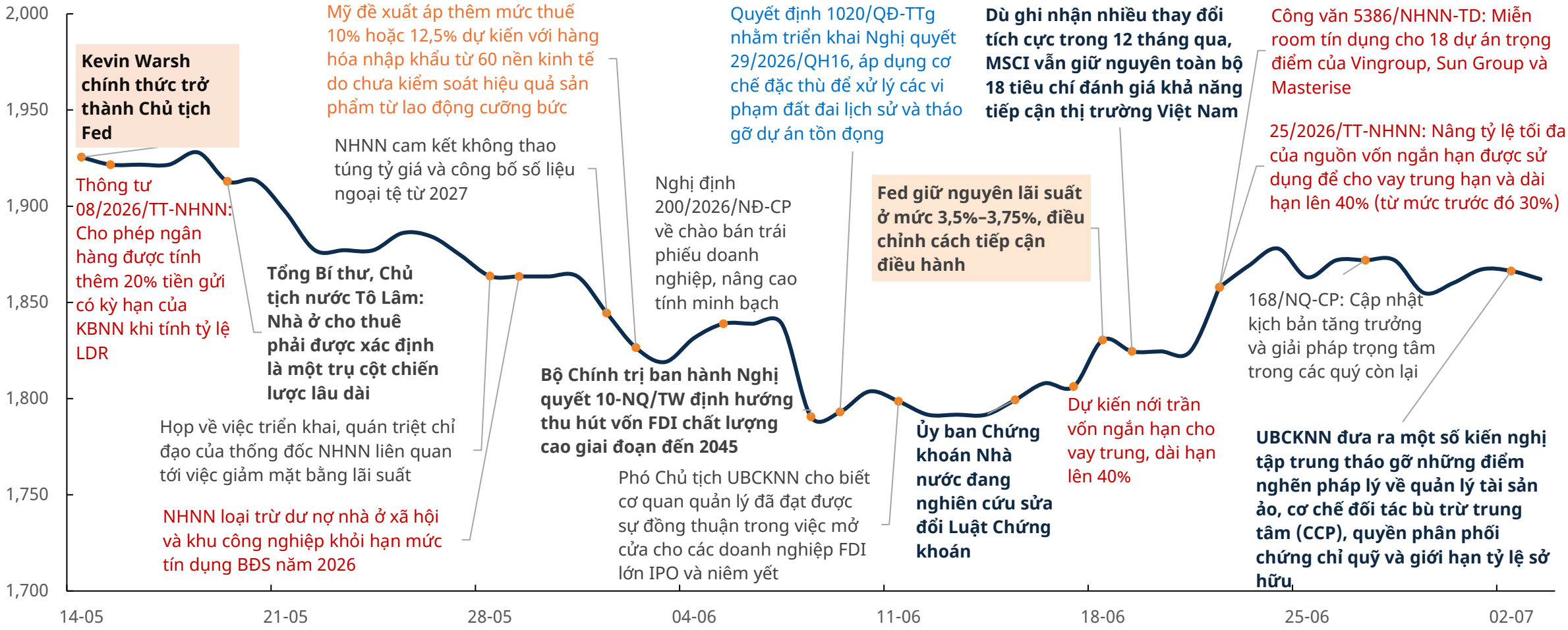
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **03/07/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 03/07/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 02/07/2026**

Các giải pháp chính sách hỗ trợ tăng trưởng và ổn định vĩ mô tiếp tục được đưa ra, dù vậy tâm lý thị trường vẫn duy trì thận trọng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu Fiinpro, **cập nhật tới 3/7/2026**

Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế

- **Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm** trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên:
  - **Giữ mục tiêu tăng trưởng GDP năm nay từ 10% trở lên**, với các ngành dẫn dắt tăng trưởng trong nửa cuối năm bao gồm: Xây dựng (+17,6% YoY), Lưu trú – ăn uống (+17,3% YoY), Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm (+14% YoY), Sản xuất điện (+16,9% YoY);
  - **Tài khóa mở rộng có trọng tâm**: Đẩy mạnh giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công và gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026;
  - **NHNN được yêu cầu triển khai các giải pháp ổn định lãi suất**, bảo đảm thanh khoản cho nền kinh tế, giữ ổn định thị trường tiền tệ và ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng.
- **Đại diện Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đưa ra một số kiến nghị tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn pháp lý về quản lý tài sản ảo, cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP), quyền phân phối chứng chỉ quỹ và giới hạn tỷ lệ sở hữu, nhằm khơi thông nguồn lực và mở rộng không gian hoạt động cho các ngân hàng thương mại trên thị trường vốn. Trong đó, UBCKNN kiến nghị tách bạch các nghiệp vụ kỹ thuật để khơi thông cơ chế Đối tác bù trừ trung tâm (CCP)**. Dù Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2024 đã mở đường cho ngân hàng thương mại tham gia vào hoạt động bù trừ và thanh toán, nhưng quá trình vận hành lại đang gặp khó do những quy định pháp lý hiện hành của ngành ngân hàng. Do vậy, UBCKNN đề nghị NHNN thiết kế các quy định ngoại trừ một cách tường minh, tách bạch rõ ràng các nghiệp vụ kỹ thuật và bù trừ chứng khoán ra khỏi giới hạn hạn mức cấp tín dụng và hoạt động góp vốn đầu tư kinh doanh thông thường.

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1.860,1 điểm (-0,5% WoW) với thanh khoản tiếp tục suy giảm

- **Mặc dù nhiều giải pháp chính sách hỗ trợ kinh tế được ban hành, cùng với số liệu vĩ mô 6 tháng đầu năm tích cực, tâm lý thị trường chứng khoán vẫn thận trọng**. Bên cạnh đó, bối cảnh toàn cầu vẫn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ biến động địa chính trị thế giới, đặc biệt là sự thay đổi sắp tới trong chính sách tiền tệ của Fed.
- **Có sự luân chuyển nhóm ngành nâng đỡ thị trường chung**: Dịch vụ tài chính (VCK: +2%, SSI: +4%, HCM: +6%... được hỗ trợ bởi kỳ vọng dự thảo Thông tư tạo khung pháp lý cho cơ chế CCP), Ngân hàng (VPB: +4%, HDB: +6%, VCB: +1%... tích cực nhờ một số giải pháp chính sách gần đây của NHNN), Vận tải (VJC: +2%, HVN: +10% với giá dầu hạ nhiệt) đóng góp tăng cho đà tăng; trong khi nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC: -12%, VHM: -4%) chịu áp lực chốt lời.
- **Tuy vậy, thanh khoản thị trường ở mức thấp ở hầu hết các ngành và giảm 32% WoW**, với GTGD bình quân khoảng 13 nghìn tỷ/ngày. Một số ngành có thanh khoản giảm mạnh như Bất động sản (chủ yếu là VIC, VHM), Ngân hàng, Tiêu dùng thiết yếu, Tiện ích.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,759**	**100%**	**-0.5%**	8%	-31.9%
Bất động sản	2,848	33%	-4%	8%	-52%
Ngân hàng	2,713	31%	1%	8%	-36%
Tiêu dùng thiết yếu	607	6.9%	2%	8%	-37%
Dịch vụ tài chính	535	6.1%	3%	23%	-12%
Nguyên vật liệu	464	5.3%	0%	8%	-13%
Tiện ích	329	3.8%	-1%	23%	-32%
Xây dựng cơ bản	328	3.7%	0%	8%	-1%
Vận tải	300	3.4%	4%	8%	-55%
Dầu khí	203	2.3%	1%	15%	-24%
Tiêu dùng không thiết yếu	217	2.5%	0%	8%	-23%
CNTT	133	1.5%	3%	8%	-5%
Bảo hiểm	59	0.7%	-1%	15%	-11%

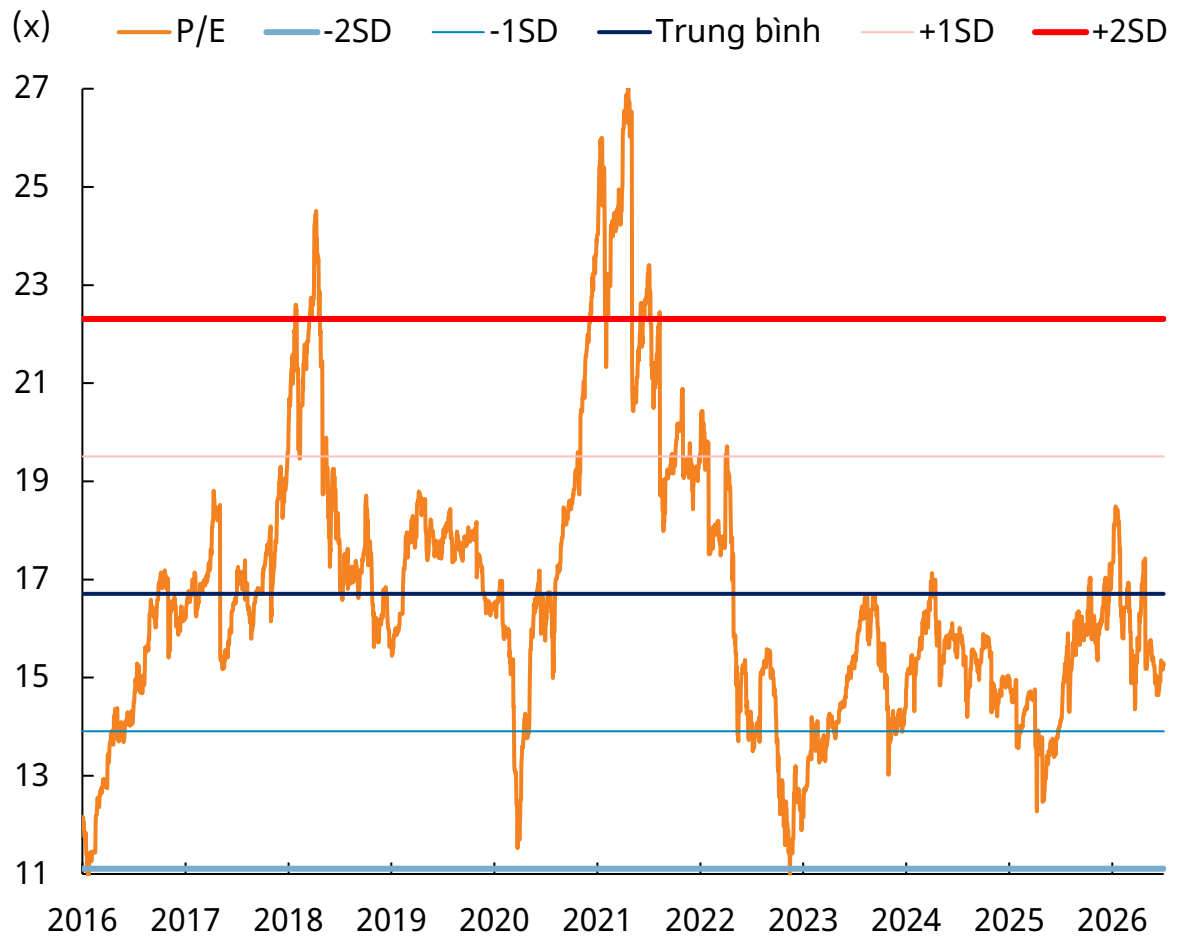
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **03/07/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Lựa chọn cổ phiếu mùa KQKD quý 2

- Thị trường chung vẫn duy trì sự thận trọng; tuy nhiên, **một số yếu tố có thể hỗ trợ cho tâm lý thị trường**: 1) **Kỳ vọng mùa KQKD quý 2 tích cực**; 2) **Các chính sách hỗ trợ kinh tế** cùng với nỗ lực quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10% trong năm nay; 3) Về phía bối cảnh thế giới, thị trường lao động tháng 6 của Mỹ hạ nhiệt làm giảm kỳ vọng Fed có thể tăng lãi suất, cùng với **việc DXY và giá dầu hạ nhiệt có thể phần nào giảm áp lực tỷ giá và lạm phát trong nước**.
- **Việc duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn và quản trị rủi ro vẫn nên được ưu tiên**. Đặc biệt, nhà đầu tư có thể tận dụng những nhịp rung lắc khi thị trường đang tiến gần quanh vùng đỉnh cũ để có thể tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, dự báo KQKD quý 2 khả quan, và định giá còn hấp dẫn.
- **Ngưỡng hỗ trợ:** 1800
- **Ngưỡng kháng cự**: 1920
- **Định giá:** P/E đang ở mức 15,3x (hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn 17x). Với triển vọng năm 2026 khả quan (dự báo tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường là 20%), chúng tôi đánh giá mức định giá hiện tại vẫn hấp dẫn để tích lũy các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **03/07/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,759,281**	**1,862.08**	**1,936.55**	**1,379.40**	**-0.2**	**-0.5**	**2.4**	**34.7**	**15.30**	**2.13**	**15.16**	**13.63**	**30.35**
VN30 Index		**6,473,471**	**2,002.56**	**2,102.77**	**1,477.29**	**-0.3**	**-0.3**	**1.4**	**35.2**	**13.34**	**2.13**	**16.81**	**16.79**	**19.74**
VN100 Index		**7,724,731**	**1,932.28**	**2,008.27**	**1,438.90**	**-0.3**	**-0.3**	**2.1**	**34.3**	**13.22**	**1.87**	**15.09**	**15.13**	**25.77**
VNDiamond Index		**1,721,889**	**2,442.97**	**2,795.05**	**2,288.75**	**-0.9**	**0.9**	**-0.1**	**6.6**	**10.41**	**1.74**	**17.07**	**23.87**	**5.89**
Ngân hàng	VCB	518,052	62,000	76,000	56,600	**-0.2**	1.0	0.2	7.1	14.41	2.21	16.38	20.21	9.79
	BID	307,583	42,250	54,500	36,200	**-0.7**	1.3	0.8	16.4	9.62	1.66	18.40	17.59	12.41
	CTG	265,241	34,150	41,550	29,177	**-0.3**	1.6	0.6	16.2	6.96	1.42	22.39	24.67	5.33
	TCB	238,098	33,600	41,650	29,650	**-0.7**	0.6	6.5	**-3.6**	9.14	1.35	15.85	21.62	0.92
	VPB	220,563	27,800	38,250	18,600	0.4	3.9	5.1	49.1	8.39	1.27	16.44	23.93	6.07
	MBB	206,208	25,600	29,500	19,583	**-0.2**	3.4	1.6	30.2	7.44	1.44	21.15	22.15	1.09
	LPB	152,351	51,000	56,200	32,500	**-2.1**	**-3.8**	6.3	56.9	13.64	3.08	23.43	1.13	3.87
	STB	135,736	72,000	75,000	46,000	**-0.8**	**-2.3**	8.9	54.3	17.70	2.21	7.75	11.49	18.51
	HDB	134,892	26,950	29,700	17,272	1.3	6.1	6.9	55.0	7.40	1.68	24.53	21.36	5.64
	ACB	131,470	22,650	26,018	18,982	0.0	0.2	**-1.6**	19.6	8.08	1.33	17.51	24.56	5.44
	SHB	72,942	13,650	18,825	11,252	**-0.4**	0.0	**-1.1**	20.4	5.22	0.89	18.30	4.07	25.93
	VIB	55,996	16,450	24,800	15,650	**-1.2**	1.9	3.5	2.2	7.38	1.14	16.36	4.17	0.82
	SSB	56,575	16,500	19,748	13,566	0.0	2.5	14.6	8.7	18.64	1.36	7.58	0.26	29.74
	TPB	45,910	16,550	21,714	13,095	0.3	2.8	5.4	26.4	6.22	1.04	17.61	23.44	6.56
	MSB	49,920	16,000	16,050	10,083	0.3	0.6	10.3	58.0	8.50	1.14	14.33	7.61	22.39
	EIB	38,465	20,650	30,900	20,450	**-1.2**	0.2	**-2.1**	**-11.0**	51.45	1.46	2.86	2.29	27.68
	OCB	35,219	11,500	13,391	9,217	0.4	4.1	10.7	19.0	8.24	1.01	12.70	19.64	2.36
	NAB	26,971	13,100	14,167	10,083	0.0	0.4	9.6	15.9	5.97	1.09	20.12	1.12	28.88
Dịch vụ tài chính	SSI	68,132	27,350	40,214	23,318	0.9	3.6	0.2	16.6	13.74	1.72	13.53	31.38	68.62
	VIX	41,777	17,050	33,907	12,077	0.9	1.2	**-4.7**	42.7	5.97	1.43	27.24	7.51	92.49
	HCM	30,833	28,550	30,400	20,500	**-1.6**	6.1	4.6	23.1	24.08	2.14	10.06	34.22	14.78
	VCI	28,921	25,100	36,630	23,400	1.0	4.4	2.4	**-7.9**	18.33	1.66	9.28	18.04	81.96
	VND	28,010	18,400	27,350	15,300	2.2	4.5	2.5	6.1	12.82	1.31	10.52	7.54	92.46
	EVF	10,039	13,200	16,500	10,750	0.4	0.8	**-0.4**	22.2	11.33	0.99	9.14	0.29	14.71
	DSE	9,893	23,100	31,225	21,450	2.2	2.4	3.4	5.4	37.15	1.85	4.89	10.63	89.37
	FTS	10,672	28,000	39,591	22,500	0.4	6.1	16.4	**-22.6**	26.44	2.36	9.17	24.76	75.24
	BSI	9,851	36,500	50,909	30,000	**-1.1**	6.6	16.2	**-6.2**	19.65	1.75	9.32	35.55	64.45
	CTS	7,677	28,200	36,328	20,117	**-0.7**	13.3	32.2	28.9	13.07	2.64	20.41	0.60	48.40

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **03/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	46,247	62,300	85,300	48,250	-1.6	-1.7	-10.6	17.5	15.60	1.83	12.22	27.22	21.78
Bất động sản	VIC	1,697,639	220,300	231,800	45,750	0.0	-3.4	11.5	366.2	145.16	11.45	7.97	3.18	44.84
	VHM	622,684	151,600	164,000	75,200	0.8	-6.4	2.2	98.7	9.62	2.37	27.70	7.57	42.43
	VPL	153,865	85,800	109,100	70,900	-1.4	-3.4	-6.7	-8.8	138.56	4.20	3.24	1.87	47.13
	VRE	63,966	28,150	43,550	24,800	0.0	-6.2	-6.3	12.4	9.30	1.28	14.77	12.00	37.00
	BCM	52,889	51,100	79,500	51,000	-2.5	-2.3	-4.8	-23.0	15.75	2.42	16.37	0.82	33.18
	NVL	29,545	12,300	19,535	10,326	-1.2	-2.0	-2.8	-11.3	9.14	0.64	7.34	4.74	44.26
	KBC	27,546	29,250	43,100	26,450	-0.3	-0.5	-2.7	10.0	17.83	1.10	6.97	7.70	41.30
	KDH	23,903	21,300	37,500	21,200	-1.6	-1.4	-7.0	-20.2	21.27	1.27	6.17	24.79	25.21
	VPI	19,683	61,500	62,500	50,400	-0.3	-0.5	1.7	19.2	71.14	3.73	5.39	9.75	39.25
	DXG	15,408	12,150	21,228	11,886	-1.6	-2.4	-6.9	-18.0	65.17	1.08	1.66	18.65	31.35
	SJS	14,279	48,000	79,000	37,066	0.4	0.0	-5.9	28.7	30.35	3.96	14.12	0.57	49.43
	PDR	14,518	14,550	27,200	14,450	-1.4	-1.0	-4.9	-12.0	23.88	1.16	5.07	6.08	43.92
	SIP	12,094	49,950	68,900	49,800	-0.1	-0.3	-2.1	-16.6	9.76	2.20	24.35	2.31	46.69
	NLG	12,518	25,800	43,159	25,050	-1.9	-2.5	-2.6	-27.8	19.09	0.98	5.54	40.66	9.34
	KOS	7,945	36,700	42,150	36,200	-1.1	-1.1	-4.7	-4.4	418.31	3.41	0.82	0.08	48.92
	DXS	4,129	7,130	13,950	6,120	0.0	-0.4	-5.9	-22.7	8.24	0.63	7.95	6.85	43.15
	HDC	3,434	14,950	32,842	14,700	-0.3	0.3	-1.8	-24.3	5.03	1.17	26.21	1.15	47.85
Xây dựng cơ bản	GEE	56,492	88,200	140,457	53,486	-1.8	-2.2	-13.5	59.0	16.69	7.36	46.50	1.02	48.98
	GEX	39,974	30,550	45,310	23,172	-1.3	1.3	-2.7	11.2	26.84	2.07	8.85	7.34	42.66
	REE	30,397	48,800	63,043	48,800	-1.7	-0.8	-4.7	-16.1	11.55	1.44	12.96	49.00	0.00
	VGC	19,481	43,450	66,600	39,250	-0.1	2.5	2.8	-2.6	15.00	2.19	14.83	0.98	48.02
	TCH	13,043	14,300	24,571	13,700	-0.7	0.4	-5.6	-12.9	50.05	1.13	1.99	10.28	40.72
	VCG	13,382	20,700	28,600	18,150	-2.1	5.6	4.8	-10.0	3.44	1.14	38.95	2.03	46.97
	CII	11,558	17,200	31,350	13,114	-2.0	0.9	2.7	31.6	99.68	1.23	1.24	3.48	36.52
	BMP	12,574	153,600	184,200	124,300	-0.6	0.4	13.5	10.2	10.09	3.95	40.38	81.46	18.54
	DIG	9,756	12,250	25,100	12,150	-1.6	-0.8	-6.5	-24.3	13.72	0.97	7.59	1.62	47.38

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **03/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	CTR	9,814	85,800	110,500	79,600	0.0	1.5	-4.7	-14.6	15.63	4.43	29.76	4.28	44.72
	HDG	8,139	20,000	32,909	19,500	-3.4	-2.7	-5.2	-13.0	12.23	1.21	10.25	16.86	33.14
	CTD	8,051	72,000	93,878	66,757	0.0	0.6	0.3	-4.6	9.53	0.85	9.24	45.78	3.22
	PC1	9,048	22,000	30,150	17,750	-1.8	2.3	15.8	16.3	8.92	1.35	16.53	9.02	40.98
	HHV	5,621	11,300	16,941	11,100	-0.9	1.3	-3.0	-2.0	9.23	0.55	5.83	9.79	39.21
	SZC	3,996	22,200	39,100	22,150	-1.6	-0.4	-3.5	-40.0	17.07	1.24	7.30	1.24	18.76
Nguyên vật liệu	HPG	196,300	23,250	27,364	21,000	-0.6	-1.1	-3.7	10.7	9.30	1.41	16.45	21.44	27.56
	GVR	130,000	32,500	42,300	25,100	-1.5	1.2	-6.2	9.8	20.45	2.21	11.23	0.62	12.38
	DCM	18,714	35,350	52,300	31,550	-0.1	1.7	-9.8	5.4	9.14	1.63	18.59	7.02	41.98
	DPM	15,536	22,850	35,800	21,750	-0.2	0.9	-9.1	3.1	13.52	1.34	11.12	3.79	46.21
	HSG	9,324	11,550	16,231	10,923	-0.4	-0.4	-5.7	-12.2	17.02	0.81	4.81	3.27	45.73
	PHR	8,645	63,800	71,300	50,700	-2.0	4.9	-5.1	6.3	13.06	2.00	16.15	12.16	36.84
	NKG	5,908	12,000	18,545	11,650	0.8	1.7	-3.3	-3.3	38.35	0.77	2.03	4.45	45.55
	HT1	5,094	13,350	18,500	12,400	-0.7	-2.2	-2.6	8.1	14.13	0.99	7.21	2.08	46.92
Tiêu dùng thiết yếu	VNM	114,739	54,900	73,000	54,700	-1.1	-2.5	-5.8	-4.5	12.47	3.49	27.66	48.40	51.60
	MSN	104,855	71,800	94,000	70,900	-0.8	0.6	-4.4	-3.6	21.99	2.98	14.73	24.60	75.40
	SAB	61,435	47,900	53,800	42,600	-1.4	-1.6	0.8	3.6	13.15	2.76	20.77	58.66	41.34
	HAG	18,884	14,900	18,400	13,150	-0.7	-0.7	-3.2	12.9	6.12	1.28	24.35	1.85	47.15
	SBT	19,261	21,250	25,236	18,491	1.9	-0.2	5.2	14.1	29.84	1.69	6.00	19.67	80.33
	KDC	14,432	49,800	56,600	38,700	-0.3	-0.6	-2.5	-11.7	23.62	2.13	9.17	13.74	36.26
	VHC	12,421	59,300	65,600	52,900	-1.2	-1.3	2.2	3.3	8.92	1.35	15.91	18.91	81.09
	BAF	10,945	30,000	32,583	26,208	0.3	1.5	4.3	6.0	47.57	2.57	5.47	2.65	47.35

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **03/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng thiết yếu	DBC	7,974	18,500	28,300	18,400	-0.5	0.0	-6.2	-30.5	5.81	0.94	17.51	1.47	47.53
	PAN	5,715	22,800	29,417	22,208	-1.5	-0.4	-3.6	-4.2	4.97	0.97	20.87	22.41	26.59
	ANV	5,578	20,950	33,450	20,400	-2.6	-4.6	-1.6	-7.3	5.25	1.50	31.96	3.23	45.77
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	115,859	78,900	93,900	65,200	-1.0	0.5	0.5	20.6	14.16	3.28	25.39	48.96	0.04
	PNJ	30,038	58,700	84,667	54,867	-7.0	-7.6	-10.2	6.7	8.59	2.09	27.69	48.24	0.76
	FRT	21,530	120,400	162,857	113,333	-1.3	2.0	-1.3	-15.0	23.55	4.83	27.96	31.61	17.39
	DGW	8,902	40,250	54,900	38,000	0.1	2.9	-0.5	-8.0	13.82	2.45	19.12	23.34	25.66
Vận tải	VJC	109,058	141,800	163,462	68,077	2.0	1.6	7.9	107.1	42.45	4.20	11.40	6.30	23.70
	GMD	32,584	76,400	85,100	55,700	1.5	4.7	4.2	26.3	18.66	2.38	13.17	40.78	8.22
	VTP	11,050	63,900	94,822	62,400	-1.7	2.1	-2.9	-26.0	32.28	6.03	19.30	3.94	45.06
	VSC	6,982	18,650	33,850	16,800	-0.8	0.8	-5.1	9.7	25.51	1.35	5.52	1.10	47.90
	SCS	4,673	49,250	69,500	48,300	-0.5	2.0	-3.6	-25.7	6.20	2.81	47.63	8.67	21.33
Dầu khí	BSR	123,680	24,700	39,500	11,084	-0.8	1.9	-11.3	123.5	9.45	1.80	20.99	1.09	47.91
	PLX	46,440	36,550	67,000	33,300	-1.7	-0.7	-6.6	-1.2	28.37	1.83	6.90	13.96	6.04
	PVD	18,094	32,550	43,100	19,950	-0.6	3.0	8.5	63.6	15.47	1.05	7.16	9.73	40.27
	PVT	10,235	19,800	27,909	15,500	-2.2	1.3	-0.1	22.0	8.97	1.14	13.49	12.99	36.01
Tiện ích	GAS	181,695	75,300	122,000	58,500	-2.6	-2.2	-10.9	17.2	15.66	2.63	17.55	2.04	46.96
	POW	45,711	14,900	15,350	10,869	0.0	0.7	10.0	36.1	13.66	1.20	9.02	4.79	45.21
	BWE	10,029	45,600	50,200	41,900	-1.3	2.0	5.8	-5.0	11.35	1.62	15.68	2.41	46.59
	NT2	6,520	22,650	28,300	19,000	-0.9	-1.3	0.4	19.2	5.24	1.29	27.56	10.77	38.23
CNTT	FPT	123,946	72,300	111,500	70,300	-0.3	2.1	-5.5	-29.5	12.71	3.16	27.28	27.64	21.36
	CMG	6,347	27,250	41,636	26,850	-0.2	0.4	-5.2	-26.5	15.78	1.99	13.20	36.59	13.41
Chăm sóc sức khỏe	IMP	6,615	42,950	56,700	42,050	0.6	2.1	-5.2	-16.8	21.12	2.78	13.33	72.69	5.27

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **03/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.